

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU
(LEGAMEX)**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2021

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA
VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU
(LEGAMEX)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 64/BCTN-LG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
Thường niên năm 2020

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300734844
- Vốn điều lệ: 74.000.000.000 VND (Bảy mươi bốn tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 74.000.000.000 VND (Bảy mươi bốn tỷ đồng)
- Địa chỉ: 15 Trường Sơn, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 028.22146087
- Số fax: (84.8)8641265
- Website: www.legamex.com.vn , www.legamex.vn
- Mã cổ phiếu: LGM
- Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) là Xí nghiệp Giày da và May mặc Xuất khẩu trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh được thành lập ngày 15/08/1986, theo quyết định số 105/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, nhiệm vụ chính là sản xuất và gia công giày da, hàng may mặc xuất khẩu sang Liên Xô cũ và một số nước khác.

Tháng 08/1988, Xí nghiệp Giày da và May mặc Xuất khẩu Quận 10 được phép sử dụng tên viết tắt "Legamex" (từ ghép của các mẫu tự đầu tiên các từ trong tiếng Anh là Leather Footwear and Garment Making Exporting Factory) để giao dịch với khách hàng nước ngoài.

Tháng 12/1988, do quy mô, cơ sở sản xuất phát triển lớn, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định đổi tên Xí nghiệp Giày da và May mặc Xuất khẩu Quận 10 thành Công ty Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) với nhiệm vụ chính là sản xuất kinh doanh các mặt hàng thuộc ngành dệt – da – may, phục vụ xuất khẩu và thị trường trong nước. Tháng 8/1991, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định chuyển

giao Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) thuộc Ủy ban nhân dân Quận 10 về trực thuộc Sở Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

Tháng 12/2005 Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định số 6663/QĐ-UBND phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) thành Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex).

Ngày 25/08/2006, Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu Công ty cổ phần số 410300519 cho CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX) (Được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước: Công Ty Giày Da và May Mặc Xuất Khẩu, số ĐKKD: 102143 do Trọng tài Kinh tế cấp ngày: 11/12/1993), đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 02 tháng 02 năm 2021, mã số doanh nghiệp: 0300734844.

Ngày 18/12/2019, cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán LGM) đã chính thức giao dịch lần đầu tiên trên hệ thống giao dịch UPCOM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 7.400 đồng/cổ phiếu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Công nghiệp may (trừ tây, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng tại địa điểm kinh doanh (Mã ngành: 1410).
- Địa bàn kinh doanh: Kinh doanh chính tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

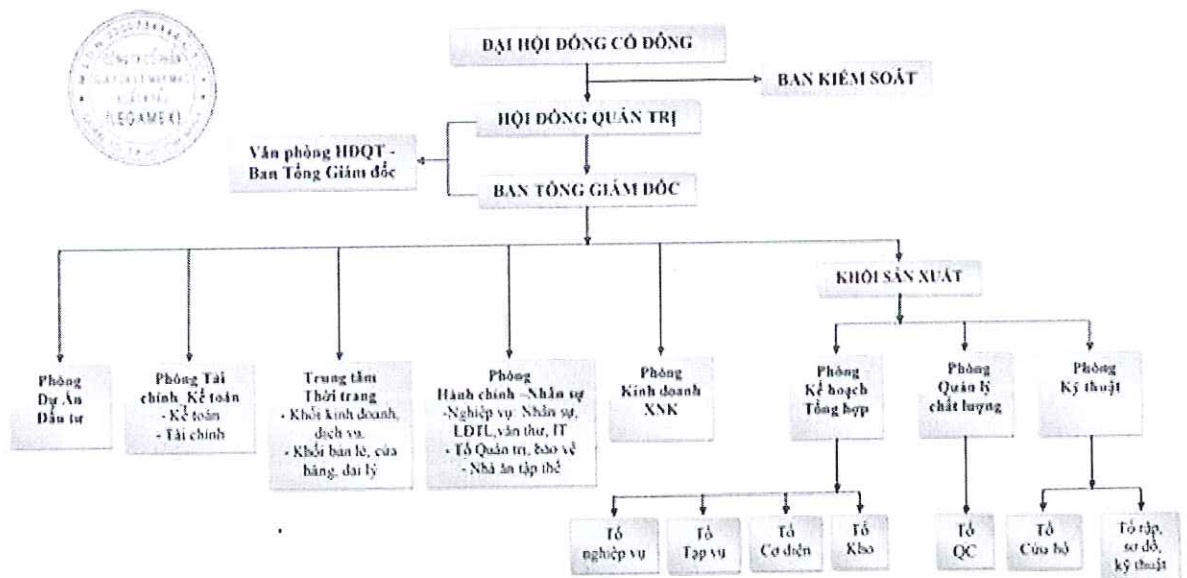
- Mô hình quản trị:
 - + Đại hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị;
 - + Ban Kiểm soát;
 - + Tổng Giám đốc.
- Sơ đồ tổ chức đến ngày thực hiện báo cáo:

Sơ đồ tổ chức ban hành kèm theo Quyết định 04/QĐ-HĐQT ngày 16/3/2020 của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU
(LEGAMEX)

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/QĐ-HĐQT ngày 16/3/2020 của Hội đồng quản trị)



4. Định hướng phát triển:

Dự kiến nhiệm vụ trọng tâm 2021:

- **Đối với hoạt động sản xuất may:** Ổn định sản xuất, định hướng sản phẩm chủ lực là mặt hàng tủ vải và các sản phẩm liên quan. Đồng thời đẩy mạnh năng suất nhưng phải đảm bảo chất lượng. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy trình, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm đã đề ra. Song song đó, thực hiện chủ trương đa dạng hóa sản phẩm sản xuất tại thời điểm thích hợp, phù hợp với năng lực và Công ty đã có nền tảng vững chắc. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển dụng, đảm bảo cung cấp đầy đủ nguồn nhân lực cho hoạt động sản xuất, kế hoạch phát triển của Công ty.
- **Đối với hoạt động quản lý, sử dụng các mặt bằng:** Hoàn thiện hồ sơ pháp lý các khu đất Công ty đang quản lý, xử lý các vấn đề tồn đọng, vướng mắc (nếu có)... để từ đó có chính sách quản lý, sử dụng đất hiệu quả và phù hợp quy định pháp luật, điều kiện thực tế công ty.
- **Đối với hoạt động trung tâm thời trang:** Tiếp tục khai thác hiệu quả các đơn hàng cung cấp đồng phục cho các ngân hàng, các hợp đồng cung ứng sản phẩm may mặc cho Sài Gòn Co.op Mart (“SGC”), Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (“HD Bank”). Xúc tiến các hoạt động quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm, tham gia các chương trình hội chợ hàng may mặc... Tiếp tục tìm kiếm các đối tác mới có nhu cầu.
- **Đối với dự án Lega Fashion House tại số 106 đường 3 tháng 2 phường 14, quận 10, TP.HCM:** Tiếp tục triển khai các bước, thủ tục để hoàn thành công tác điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 tại dự án và thực hiện các công tác pháp lý tiếp theo. Xây dựng lộ trình cụ thể để có thể giải quyết dứt điểm Hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án này với các đối tác trước đây nhằm tiếp tục thực hiện và đưa dự án vào khai thác sử dụng.
- **Đối với hoạt động đầu tư tài chính:** Rà soát, cơ cấu lại các khoản mục đầu tư tài chính tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Legamex (Vicosimex, GDI, Việt Á Bank,...), để từ đó có chủ trương chính sách đầu tư phù hợp, đảm bảo việc bảo toàn và phát triển vốn của Legamex tại các doanh nghiệp này.

5. Các rủi ro:

Bên cạnh những thuận lợi, Legamex cũng gặp những khó khăn nhất định trong công tác tuyển dụng lao động.

- Hiện nay, nhu cầu lao động của Legamex rất lớn, cần tuyển nhân sự bổ sung tại tất cả các bộ phận từ may đến đóng gói. Thị trường lao động tại TP.HCM nói riêng và cả nước nói chung có những khó khăn nhất định, người lao động hiện nay có xu hướng muốn tham gia vào các ngành nghề dịch vụ, khu công nghiệp tại các tỉnh mở ra nhiều nên công nhân ở các tỉnh cũng ít về thành phố tìm việc hơn so với các năm trước. Vị trí của công ty nằm ở trung tâm Quận 10, nên công tác tuyển dụng lao động may cũng khó khăn hơn những quận khác.
- Đồng thời, cơ quan Nhà nước đã có các quy định chặt chẽ, thực hiện kiểm tra giám sát việc quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp, cá nhân. Do đó, Legamex cần có chính sách, chủ trương quản lý sử dụng đất thận trọng, đảm bảo quy định pháp luật, mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Với tình hình dịch bệnh (Covid-19) từ đầu năm 2020 đến nay, dự báo sẽ có nhiều khó khăn hơn trong công tác tổ chức sản xuất kinh doanh của ngành may nói chung và Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) nói riêng.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính: (Đvt: đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Tăng/giảm so với thực hiện 2019
Doanh thu thuần	120,473,075,009	104,381,736,135	-13%
Hoạt động may gia công	94,618,190,732	86,586,039,074	-8%
Hoạt động bán hàng	15,696,537,418	14,308,781,198	-9%
Hoạt động quản lý, sử dụng mặt bằng	7,535,608,748	3,180,528,877	-58%
Hoạt động khác	2,622,738,111	306,386,986	-88%
Giá vốn	100,783,910,734	98,240,978,573	-3%
Lợi nhuận gộp	19,689,164,275	6,140,757,562	-69%
Hoạt động may gia công	9,207,345,075	(89,013,738)	-101%
Hoạt động bán hàng	2,970,160,771	2,093,634,613	-30%
Hoạt động quản lý, sử dụng mặt bằng	4,042,669,293	2,569,248,585	-36%
Hoạt động khác	2,622,738,111	19,662,694	-99%
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	846,251,025	1,547,225,408	83%
Doanh thu tài chính	886,687,350	763,974,355	-14%
Chi phí tài chính	(584,206,859)	(78,927,705)	-86%
Lợi nhuận tài chính	1,470,894,209	842,902,060	-43%
Thu nhập khác	820,369,419	3,405,550,661	315%
Chi phí khác	1,458,548,984	6,255,824,240	329%
Lợi nhuận khác	(638,179,565)	(2,850,273,579)	347%
Chi phí bán hàng	2,339,496,293	3,279,695,635	40%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15,363,930,549	13,629,877,037	-11%
Tổng lợi nhuận trước thuế	2,818,452,077	(12,776,186,629)	-553%

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Hoạt động sản xuất, may gia công:

Năm 2020, trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng rất nhiều đến tình hình sản xuất của công ty: đơn hàng tử vải chỉ sản xuất đến hết tháng 07/2020 và từ tháng 08/2020 Ban điều hành công ty đã nỗ lực tìm kiếm các đơn hàng khác thay thế nhằm thực hiện chủ trương đa dạng hóa sản phẩm nhưng do tình hình dịch bệnh kéo dài dẫn đến việc khan hiếm đơn hàng trầm trọng, việc tìm kiếm đơn hàng mới rất khó khăn, các đơn hàng mà ban điều hành công ty kiếm được cũng chỉ đáp ứng ở mức độ duy trì việc làm cho người lao động trong công ty chứ không có hiệu quả, ảnh hưởng đến lợi nhuận năm 2020 của Công ty.

+ Hoạt động bán hàng:

Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) vẫn tiếp tục hợp tác với hệ thống CO.OP Mart, sản xuất và cung cấp các sản phẩm may mặc nhãn riêng các loại cho hệ thống CO.OP Mart, Đây là khách hàng lâu năm, với đơn hàng ổn định hằng năm, tuy nhiên do tình hình dịch bệnh cũng đã tác động không nhỏ đến nhu cầu mua sắm của khách hàng tại hệ thống CO.OP Mart. Doanh số bình quân hàng hóa xuất bán cho đối tác trước khi có dịch khoảng 750 triệu đồng/tháng nay đã suy giảm mạnh chỉ đạt 250 triệu đồng/tháng. Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) tiếp tục thực hiện việc cung cấp đồng phục cho các ngân hàng, doanh nghiệp. Công ty đã tham gia các hoạt động tăng cường quảng bá thương hiệu và chất lượng sản phẩm tại Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao.

+ Hoạt động quản lý, sử dụng các mặt bằng và dự án:

Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) đang quản lý, sử dụng 07 mặt bằng, dự án gồm:

- 11 Trường Sơn, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh;
- 15-17-19 Trường Sơn, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh;
- 195 đường 3 tháng 2, phường 9, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh;
- 63- 65 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh;
- 467 C Cách Mạng Tháng Tám, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh;
- Khu đất tại xã Phước Tân, huyện Long Thành, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Dự án 106 đường 3 tháng 2, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Hoạt động đầu tư tài chính:

Đến nay, Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) vẫn đang duy trì đầu tư cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành tính đến thời điểm 31/12/2020

Tỷ lệ sở hữu cổ phần (cập nhật ngày 17/12/2020):

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	NĂM SINH	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN (%)
1	Võ Bình	Tổng giám đốc	1987	0
2	Nguyễn Thị Lan Trà	Kế toán trưởng	1969	1.600 CP (0.0216%)

- Những thay đổi trong ban điều hành:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	GHI CHÚ
1	Mai Huy	Phó Tổng Giám đốc Tài Chính- Đầu tư	Bỏ nhiệm ngày 27/4/2020 theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT (NK3) ngày 27/04/2020

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	GHI CHÚ
2	Lê Hồng Chiến	Phó Tổng Giám đốc Sản Xuất	Bổ nhiệm ngày 27/4/2020 theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT (NK3) ngày 27/04/2020

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tại ngày 31/12/2020, Công ty có 585 cán bộ công nhân viên.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Các khoản đầu tư tài chính: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	24.498.722.533	23.517.743.073	(980.979.460)	24.498.722.533	23.438.786.770	(1.059.935.763)
Cổ phiếu VAB ⁽¹⁾	13.218.722.533	12.237.743.073	(980.979.460)	13.218.722.533	12.158.786.770	(1.059.935.763)
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Việt Nam ⁽²⁾	1.680.000.000	1.680.000.000	-	1.680.000.000	1.680.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định ⁽³⁾	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-
Cộng	24.498.722.533	23.517.743.073	(980.979.460)	24.498.722.533	23.438.786.770	(1.059.935.763)

(1): Là khoản đầu tư số lượng 950.123 cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á (VAB).

(2): Là khoản đầu tư số lượng 25 cổ phiếu.

(3): Là khoản đầu tư số lượng 800.000 cổ phiếu.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	100,293,467,826	106,069,310,354	6%
Doanh thu thuần	120,473,075,009	104,381,736,135	-13%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3,456,631,642	(9,925,913,050)	-387%
Lợi nhuận khác	(638,179,565)	(2,850,273,579)	347%
Lợi nhuận trước thuế	2,818,452,077	(12,776,186,629)	-553%
Lợi nhuận sau thuế	1,297,376,381	(11,042,063,428)	-951%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	175	(1,492)	-953%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1/ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	2.76	1.59	
Hệ số thanh toán nhanh : (Tài sản ngắn hạn-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1.67	1.34	
2/ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	0.40	0.54	
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	0.67	1.17	
3/ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho : Giá vốn hàng bán /hàng tồn kho bình quân	vòng	4.48	6.15	
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	vòng	1.20	0.98	
4/ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	%	0.01	(0.11)	
Hệ số lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	%	0.02	(0.22)	
Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	0.01	(0.11)	
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD /Doanh thu thuần	%	0.03	(0.10)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Số lượng cổ phiếu:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.400.000	7.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.400.000	7.400.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>7.400.000</i>	<i>7.400.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.400.000	7.400.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>7.400.000</i>	<i>7.400.000</i>

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

b. Cơ cấu cổ đông: Cập nhật đến ngày 17/12/2020:

PHÂN LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG	CỔ PHIẾU	TỶ LỆ %
Cổ đông lớn	2	4.503.200	60,85
Cổ đông nhỏ	428	2.896.800	39,15
Cổ đông tổ chức	7	4.849.200	65,53
Cổ đông cá nhân	423	2.550.800	34,47
Cổ đông nước ngoài	2	14.000	0,18
Cổ đông trong nước	428	7.386.000	99,82
Cổ đông còn nắm giữ cổ phần nhà nước (nhà nước nắm giữ 49% cổ phần của cổ đông)	1	3.774.000	51,00

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	74.000.000.000	4.003.156.282	9.605.117.855	(29.000.737.961)	58.607.536.176
Tăng trong năm trước				1.297.376.381	1.297.376.381
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay	74.000.000.000	4.003.156.282	9.605.117.855	(27.703.361.580)	59.904.912.557
Tăng trong năm				(11.042.063.428)	(11.042.063.428)
Giảm trong năm					
Số dư cuối năm	74.000.000.000	4.003.156.282	9.605.117.855	(38.745.425.008)	48.862.849.129

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

a. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Lãnh đạo Công ty luôn đề cao ý thức trách nhiệm và yêu cầu người lao động tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan đến môi trường và trách nhiệm xã hội. Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật về môi trường, không bị các khoản phạt hay bồi thường về các vấn đề liên quan đến môi trường.

b. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động, thu nhập bình quân người lao động:
 - + Số lượng lao động: tại ngày 31/12/2020, công ty có 585 cán bộ công nhân viên.
 - + Thu nhập bình quân người lao động: **7.860.986** đồng/tháng
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
 - + Đảm bảo thời giờ làm việc theo đúng quy định pháp luật;
 - + Đảm bảo chế độ phúc lợi cho người lao động: tiền mừng đám cưới, thăm viếng người thân qua đời, chi mai táng cho người lao động chết, trợ cấp khó khăn đột xuất, thăm hỏi công nhân nghèo trong các ngày tết, chế độ ăn giữa ca, chế độ tham quan, nghỉ mát hàng năm; chế độ các ngày lễ trong năm: quốc tế phụ nữ, quốc tế thiếu nhi, tết trung thu, tết dương lịch, âm lịch...
 - + Đảm bảo chế độ nghỉ hàng năm cho người lao động;
 - + Khám sức khỏe cho người lao động: mỗi năm/lần;
 - + Trang bị bảo hộ lao động theo quy định;
 - + Chi trả chế độ tai nạn cho người lao động theo đúng quy định.
- Hoạt động đào tạo người lao động:
 - + **Chính sách đào tạo:** Tùy vào tính chất công việc, người lao động có liên quan được tham gia các chương trình đào tạo phù hợp của Công ty như sau: CBCNV được tham gia đào tạo ngắn hạn theo kế hoạch đào tạo nghiệp vụ hàng năm, đào tạo đột xuất theo nhu cầu của đơn vị và bằng các hình thức như đào tạo thông qua luân chuyển công tác, để nhân viên có điều kiện phát huy khả năng và học hỏi kinh nghiệm tích lũy kiến thức, phát triển chuyên môn và nghề nghiệp theo định hướng của Công ty.
- Chính sách lương, thưởng, trợ cấp:
 - + **Chính sách lương:**
 - Đảm bảo việc xây dựng và áp dụng Hệ thống thang lương, bảng lương phù hợp quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.
 - Đảm bảo công bằng giữa người lao động, trên cơ sở trách nhiệm được giao và hiệu quả, năng suất, chất lượng công việc hoàn thành.
 - Tạo động lực khuyến khích người lao động thi đua sản xuất.
 - Tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và các quy định của Nhà nước có liên quan. Chính sách trả lương, thưởng của Công ty có thể được cân đối và điều chỉnh cho thích hợp từng thời kỳ, đảm bảo phù hợp với khả năng chi trả và thực tế hoạt động của Công ty.
 - Mỗi lao động được trả lương, trả thưởng theo vị trí, chức danh công việc đảm nhận tùy thuộc vào năng lực, trình độ chuyên môn, khối lượng và tính chất phức tạp của công việc được giao, mức độ hoàn thành công việc được giao căn cứ theo thang bảng lương đã đăng ký với cơ quan chức năng.
 - + **Chính sách khen thưởng:** Hàng tháng, căn cứ vào kết quả làm việc của CBCNV, Công ty có chính sách khen thưởng đối với các tập thể hoặc cá nhân có thành tích hoặc sáng kiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phần thưởng được tính và trả ngay vào kỳ lương tháng đó của CBCNV. Vào cuối mỗi năm, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ có chính sách khen thưởng cho CBCNV công ty với Mục đích:
 - Khen thưởng CBCNV theo mức độ hoàn thành mục tiêu cá nhân, tạo động lực

làm việc.

- Tạo một môi trường thi đua lành mạnh để CBCNV phát huy hết tiềm năng bản thân, thúc đẩy Công ty phát triển vững mạnh.
- Đáp ứng nhu cầu được công nhận của CBCNV, là phương tiện để thông báo rộng rãi thành tích và sự nỗ lực cá nhân mà CBCNV đã thể hiện.

+ **Chế độ phúc lợi:**

- Phụ cấp suất ăn giữa ca, suất ăn tăng ca, phụ cấp làm thêm giờ...
- Phụ cấp nhà trọ hoặc có nhà lưu trú cho công nhân ở tỉnh.
- Đóng BHYT, BHXH, BHTN khi được ký kết Hợp đồng lao động chính thức.
- Các chế độ phúc lợi: Sinh nhật, tang ma, cưới hỏi, đau bệnh, phụ cấp xăng xe; Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, đúng quy định pháp luật.
- Chính sách An toàn – Sức khỏe – Môi trường hoàn thiện.
- Quà khuyến học cho các cháu thiếu nhi vào cuối năm học, vào các dịp Quốc tế thiếu nhi, tết Trung thu,...
- Các phong trào Văn - Thể - Mỹ do Công ty tổ chức vào các dịp Lễ hội.

c. **Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Hàng năm, Công đoàn và Đoàn thanh niên công ty duy trì thăm hỏi và tặng quà Mẹ Việt Nam anh hùng Phạm Thị Dung tại xã Tân Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 07/NQ-ĐHĐCĐ/NK3 ngày 24/12/2020, trong năm 2020 Legamex đã thực hiện:

- Doanh thu thuần 104,381,736,135 đồng, giảm 13 % so với năm 2019;
- Giá vốn hàng bán giảm 3 % so với năm 2019;
- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế (11,042,063,428) đồng;

Năm 2020, đại dịch Covid-19 xảy ra và diễn biến phức tạp trên toàn thế giới. Điều này đã tác động mạnh mẽ đến toàn bộ nền kinh tế thế giới, hoạt động của ngành dệt may cũng chịu sự ảnh hưởng nặng nề. Đơn hàng dệt may thật sự khan hiếm. Nhiều doanh nghiệp dệt may thiếu đơn hàng sản xuất trầm trọng. Các nhà máy phải đóng cửa hoặc buộc phải cắt giảm lao động và sẵn sàng chấp nhận đơn giá sản xuất thấp để thích nghi với tình hình thực tại. Đơn hàng tủ vải chỉ sản xuất đến hết tháng 07/2020 và từ tháng 08/2020 Ban điều hành công ty đã nỗ lực tìm kiếm các đơn hàng khác thay thế nhằm thực hiện chủ trương đa dạng hóa sản phẩm nhưng do tình hình dịch bệnh kéo dài dẫn đến việc khan hiếm đơn hàng trầm trọng, việc tìm kiếm đơn hàng mới rất khó khăn, các đơn hàng mà Ban Điều hành kiếm được cũng chỉ đáp ứng ở mức độ duy trì việc làm cho người lao động trong công ty chứ không có hiệu quả, ảnh hưởng đến lợi nhuận năm 2020 của Công ty.

2. **Tình hình tài chính:**

a. **Tình hình tài sản:**

Tại ngày 31/12/2020, tổng tài sản công ty là 106,069,310,354 đồng, tăng 5,775,842,528 đồng so với tổng tài sản công ty tại ngày 31/12/2019.

b. Tình hình nợ phải trả:

- Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) số 004/2010/HTKD-LEGAMEX-GDI-DGC-OCEANBANK ký ngày 17 tháng 12 năm 2010 giữa Công ty và các bên gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (“GDI”) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (“OGC”) cho Dự án Lega Fashion House (“Dự án”), theo đó Công ty góp vốn bằng Quyền sử dụng đất, GDI và OGC góp vốn bằng tiền.
- Theo Biên bản thanh lý HĐHTKD ngày 09 tháng 6 năm 2015 và phụ lục số 01 của Biên bản này ngày 11 tháng 5 năm 2017, hai đối tác của OGC đã góp vốn với số tiền là 38.996.885.439 VND và GDI đã góp vốn với số tiền 5.635.596.481 VND vào Dự án Lega Fashion House và trao quyền thực hiện Dự án, tìm kiếm đối tác mới thực hiện Dự án cho Công ty Legamex.
- Theo Phụ lục số 01 nói trên và biên bản làm việc ngày 04 tháng 8 năm 2017 và Biên bản họp số 12/BB-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, GDI và OGC, khi Công ty ký hợp đồng hợp tác và nhận tiền góp vốn của đối tác mới thì Công ty phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho GDI và OGC.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa tìm được đối tác mới thay thế OGC và GDI, cũng như đánh giá khả năng tìm kiếm đối tác mới phù hợp chưa được xác định nên Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng về nghĩa vụ hoàn trả cho GDI và OGC vào Báo cáo tài chính số tiền là 44.632.481.920 VND. Ngoài ra, Công ty cũng phải cân đối nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ về thuế, tiền thuê đất,... với Nhà nước.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2020, tiếp tục duy trì cải tiến trong cơ cấu tổ chức: tái lập phòng xuất nhập khẩu, nâng cao trách nhiệm và năng lực người lao động, thực hiện các chương trình thi đua tăng năng suất, tăng thu nhập cho người lao động. Đẩy mạnh tăng năng suất đi đôi với việc đảm bảo chất lượng sản phẩm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- **Đối với hoạt động sản xuất may:** Ổn định sản xuất, định hướng sản phẩm chủ lực là mặt hàng tủ vải và các sản phẩm liên quan. Đồng thời đẩy mạnh năng suất nhưng phải đảm bảo chất lượng. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy trình, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm đã đề ra. Song song đó, thực hiện chủ trương đa dạng hóa sản phẩm sản xuất tại thời điểm thích hợp, phù hợp với năng lực và Công ty đã có nền tảng vững chắc. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển dụng, đảm bảo cung cấp đầy đủ nguồn nhân lực cho hoạt động sản xuất, kế hoạch phát triển của Công ty.
- **Đối với hoạt động quản lý, sử dụng các mặt bằng:** Hoàn thiện hồ sơ pháp lý các khu đất Công ty đang quản lý, xử lý các vấn đề tồn đọng, vướng mắc (nếu có)... để từ đó có chính sách quản lý, sử dụng đất hiệu quả và phù hợp quy định pháp luật, điều kiện thực tế công ty.
- **Đối với hoạt động trung tâm thời trang:** Tiếp tục khai thác hiệu quả các đơn hàng cung cấp đồng phục cho các ngân hàng, các hợp đồng cung ứng sản phẩm may mặc cho SGC, HD Bank. Xúc tiến các hoạt động quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm, tham gia các chương trình hội chợ hàng may mặc... Tiếp tục tìm kiếm các đối tác mới có nhu cầu.

- **Đối với dự án Lega Fashion House tại số 106 đường 3 tháng 2 phường 14, quận 10, TP.HCM:** Tiếp tục triển khai các bước, thủ tục để hoàn thành công tác điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 tại dự án và thực hiện các công tác pháp lý tiếp theo. Xây dựng lộ trình cụ thể để có thể giải quyết dứt điểm Hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án này với các đối tác trước đây nhằm tiếp tục thực hiện và đưa dự án vào khai thác sử dụng.
- **Đối với hoạt động đầu tư tài chính:** Rà soát, cơ cấu lại các khoản mục đầu tư tài chính tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Legamex (Vicosimex, GDI, Việt Á Bank...), để từ đó có chủ trương chính sách đầu tư phù hợp, đảm bảo việc bảo toàn và phát triển vốn của Legamex tại các doanh nghiệp này.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty chấp hành nghiêm chỉnh và thực hiện tiết kiệm tiêu thụ điện, nước (nhắc nhở, thông báo, dán decal nhắc nhở cán bộ công nhân viên...).
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:
 Năm 2020, mặc dù công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên công ty duy trì thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động: Có nơi lưu trú cho công nhân ở tỉnh, thực hiện chính sách hỗ trợ lương, trong đó có hỗ trợ lương cho công nhân trong quá trình học việc, các chế độ chính sách theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:
 Trong năm 2020, Công ty đã hỗ trợ, tổ chức thực hiện các chương trình, công tác, trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:
 - Hỗ trợ Chi phí An ninh Trật Tự cho Phường 13 và Phường 15 Quận 10;
 - Hỗ trợ chăm lo các gia đình chính sách khó khăn, hộ nghèo Phường 15 Quận 10;

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Căn cứ Báo cáo số 03/BC-HĐQT ngày 11/11/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2019 và chương trình hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2020 mặc dù có nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, cộng với các tổn động có tính lịch sử trước đây để lại và các phát sinh mới, nhìn chung Công ty đã duy trì được các mặt hoạt động, nhất là duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh mặc dù Công ty phải thực hiện bù lương để đảm bảo mức lương tối thiểu vùng cho công nhân, lao động theo quy định; từ đó đã giúp người lao động có việc làm, ổn định đời sống, góp phần thực hiện an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn Thành phố.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Đến tháng 01 năm 2020 Công ty mới kiện toàn xong nhân sự Tổng Giám đốc mới để điều hành hoạt động của Công ty theo quy định và dưới sự điều hành của Tổng Giám đốc cùng với sự chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty đã thực hiện phần lớn các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong đó đã cố gắng tìm kiếm khách hàng mới, đơn hàng mới để bù đắp vào sản lượng thiếu hụt do mặt hàng Tủ vải để lại, góp phần duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; đồng thời

tiến hành rà soát toàn bộ các mặt bằng của Công ty nhằm kiện toàn hồ sơ pháp lý, giảm thiệt hại (nếu có) trong việc khai thác kinh doanh được các lãnh đạo trước đây ký kết với các đối tác.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Ông/ Bà	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ sở hữu
1	Ông	Đoàn Văn Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Không	Không
2	Ông	Nguyễn Đông Hải	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành	Không	Không
3	Ông	Phạm Nhật Vinh	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành	Không	Không
4	Ông	Nguyễn Minh Nhật	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành	Không	Không
5	Bà	Lê Thị Thu Hồng	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành	141,800	1,916%
6	Ông	Dương Thanh Phong	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành	Không	Không
7	Ông	Bùi Văn Xuân	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành	Không	Không

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị/ đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị.

ST T	Số QĐ/ Nghị Quyết	Ngày	Nội Dung
1	01/QĐ- HĐQT	14/01/2020	Thành lập Ban thực hiện bàn giao nhiệm vụ Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty Legamex.
2	02/QĐ- HĐQT	14/01/2020	Về mức lương và thu nhập của Tổng Giám đốc Legamex đối với ông Võ Bình.
3	03/QĐ- HĐQT	12/02/2020	Về mức lương và thu nhập của Kế toán trưởng Công ty Legamex đối với bà Nguyễn Thị Lan Trà.
4	04/QĐ- HĐQT	16/03/2020	Về việc kiện toàn Sơ đồ tổ chức, Sơ đồ chức danh của Công ty Legamex.

ST T	Số QĐ/ Nghị Quyết	Ngày	Nội Dung
5	05/QĐ- HDQT	27/04/2020	Về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đầu tư Tài chính đối với ông Mai Huy
6	06/QĐ- HDQT	27/04/2020	Về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất đối với ông Lê Hồng Chiến.
7	01/NQ- HDQT	14/01/2020	<p>1. Phê duyệt thang lương, bảng lương của Legamex năm 2020 theo TTr 172 /TTr-TGD ngày 26/12/2019 của Tổng Giám đốc, thay thế thang, bảng lương năm 2019. Thời gian áp dụng thang, bảng lương năm 2020 kể từ ngày 01/01/2020.</p> <p>2. Phê duyệt mức lương, thu nhập cho ông Võ Bình.</p> <p>3. Thông qua Hợp đồng lao động tuyển dụng Tổng Giám đốc Legamex đối với ông Võ Bình kèm theo TTr 04/TTr-TGD ngày 03/01/2020 của Tổng Giám đốc và ủy quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Hợp đồng lao động này. Trong đó lưu ý các ý kiến góp ý của thành viên Hội đồng quản trị tại Biên bản kiểm phiếu 01/BBKP-HDQT ngày 14/01/2020 trước khi ký Hợp đồng lao động tuyển dụng Tổng Giám đốc.</p>
8	02/NQ- HDQT	12/02/2020	Phê duyệt mức lương, thu nhập của Kế toán trưởng.
9	03/NQ- HDQT	16/03/2020	Thống nhất kiện toàn Sơ đồ tổ chức, Sơ đồ chức danh và bộ máy quản lý điều hành Legamex.
10	04/NQ- HDQT	27/04/2020	<p>1. Về mặt bằng ở Biên Hòa, Đồng Nai:</p> <p>1.1. Thống nhất chủ trương không tiếp tục ký hợp đồng mới/gia hạn HĐ với Công ty TNHH Dệt may Thế Hòa về thuê nhà xưởng tại mặt bằng ở Biên Hòa, Đồng Nai theo TTr 46/TTr-TGD ngày 14/4/2020 của Tổng Giám đốc. Giao Tổng Giám đốc nghiên cứu phương án sử dụng đất tại mặt bằng này để phục vụ Sản xuất kinh doanh của Legamex và báo cáo cho Hội đồng quản trị trong tháng 05 năm 2020.</p> <p>1.2. Thống nhất chủ trương thuê đơn vị tư vấn am hiểu pháp luật, có kinh nghiệm trong việc xử lý các tình huống tương tự thực trạng của mặt bằng Biên Hòa, Đồng Nai, để làm việc với các cơ quan nhà nước liên quan đến việc xử lý vi phạm hành chính, những rủi ro, thiệt hại phát sinh (nếu có).</p> <p>2. Về mặt bằng số 11 Trường Sơn, Q.10, TP.HCM:</p> <p>2.1. Thống nhất chủ trương đàm phán với Nguyễn Kim về việc thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng Hợp tác kinh doanh trước thời hạn, đảm bảo việc sử dụng đất đúng mục đích theo HĐ thuê đất và phù hợp quy hoạch hiện hành, theo TTr 47/TTr-TGD ngày 14/4/2020 của Tổng Giám đốc.</p>

ST T	Số QĐ/ Nghị Quyết	Ngày	Nội Dung
			<p>2.1. Thống nhất chủ trương sử dụng mặt bằng số 11 Trường Sơn, Q.10 làm Trung tâm Đào tạo may mặc và di dời Văn phòng Công ty tại số 15 Trường Sơn về địa chỉ này. Giao Tổng Giám đốc thực hiện các nội dung sau đây:</p> <p>a) Liên hệ làm việc với các cơ quan nhà nước xem xét, giải quyết các vấn đề có liên quan để Nhà nước tiếp tục cho Công ty thuê khu đất này theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm; báo cáo kết quả cho Hội đồng quản trị.</p> <p>b) Xây dựng phương án sử dụng khu đất tại số 11 Trường Sơn, Q.10 làm Trung tâm Đào tạo may mặc và Văn phòng Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex), báo cáo Hội đồng quản trị trong tháng 5 năm 2020.</p> <p>3. Về công tác nhân sự:</p> <p>3.1. Thống nhất bổ nhiệm ông Mai Huy, sinh ngày 05/5/1990, CMND số 2151664510 cấp ngày 29/12/2017 tại Bình Định, trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng, giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc Tài Chính – Đầu Tư theo TTr 48/TTr-TGD ngày 14/4/2020 của Tổng Giám đốc.</p> <p>3.2. Thống nhất bổ nhiệm ông Lê Hồng Chiến, sinh ngày 19/5/1974, CMND số 365445039 cấp ngày 12/7/2012 tại Sóc Trăng, trình độ chuyên môn: hoàn thành chương trình đào tạo GĐSX của Trường Doanh nhân PACE tại TP.HCM, giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc Sản xuất theo TTr 48/TTr-TGD ngày 14/4/2020 của Tổng Giám đốc.</p> <p>3.3. Thống nhất việc bổ nhiệm bà Trương Thị Hồng Châu, sinh ngày 26/6/1981, CCCD số 079181001217 cấp ngày 11/5/2016, trình độ chuyên môn Cử nhân Luật, giữ chức danh Chánh VP HĐQT-TGD theo TTr 48/TTr-TGD ngày 14/4/2020 của Tổng Giám đốc. Giao Tổng Giám đốc ký ban hành quyết định theo thẩm quyền.</p> <p>3.4. Phê duyệt mức lương, thu nhập của Chánh Văn phòng HĐQT-TGD theo TTr 49 ngày 14/4/2020 của Tổng Giám đốc.</p>
11	05/NQ- HĐQT	15/06/2020	<p>1. Về thanh lý Hợp đồng hợp tác với Nguyễn Kim tại mặt bằng số 11 Trường Sơn, Q.10.</p> <p>1.1. Thống nhất chủ trương chấm dứt trước thời hạn đối với Hợp đồng hợp tác 48/HĐ-HTKD/NKH-LEGAMEX/2014 ký ngày 20/8/2014 giữa Legamex</p>

ST T	Số QĐ/ Nghị Quyết	Ngày	Nội Dung
			<p>với Nguyễn Kim tại mặt bằng số 11 Trường Sơn theo TTr 61/TTr-TGD ngày 01/6/2020 của Tổng Giám đốc.</p> <p>1.2. Thông qua dự thảo văn bản thỏa thuận thanh lý Hợp đồng hợp tác với Nguyễn Kim đính kèm theo TTr 61/TTr-TGD ngày 01/6/2020 của Tổng Giám đốc.</p> <p>1.3. Thống nhất chủ trương mượn lại các tài sản mà Nguyễn Kim đã đầu tư tại mặt bằng số 11 Trường Sơn (thang máy chở khách hiệu Mitsubishi; thang thoát hiểm; nhà để xe khung thép) trong thời hạn 05 năm. Trong thời gian mượn tài sản này, Legamex chịu chi phí bảo dưỡng, sửa chữa.</p> <p>1.4. Giao Tổng Giám đốc ký thỏa thuận thanh lý Hợp đồng hợp tác, Biên bản mượn lại tài sản và Biên bản bàn giao mặt bằng với Nguyễn Kim tại mặt bằng số 11 Trường Sơn, Q.10.</p> <p>2. Về giao dịch với Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định (Giditex):</p> <p>2.1. Phê duyệt các Hợp đồng/Phụ lục HĐ Legamex đang sản xuất gia công cho Giditex theo Phụ lục: Danh sách các HĐ/Phụ lục HĐ đính kèm theo TTr 62/TTr-TGD ngày 03/6/2020 của Tổng Giám đốc .</p> <p>2.2. Giao Tổng Giám đốc ký kết các Hợp đồng/Phụ lục Hợp đồng này, đồng thời triển khai việc thực hiện nhằm mang lại hiệu quả cho Legamex.</p>
12	06/NQ- HDQT	10/07/2020	<p>Về quản lý, sử dụng 06 mặt bằng của Legamex (trừ mặt bằng 106, đường 3/2, Q.10).</p> <p>1. Việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan thanh tra liên quan đến việc quản lý, sử dụng mặt bằng của Legamex thì Tổng Giám đốc cần phải phối hợp thực hiện nhằm tuân thủ yêu cầu của cơ quan Nhà nước và quy định của pháp luật. Lưu ý khi làm việc với đơn vị tư vấn để chuẩn bị phương án giải trình cho cơ quan thanh tra (nếu có) thì cần phải cung cấp đầy đủ về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, vận dụng các quy định pháp luật về tình tiết giảm nhẹ, cố gắng giảm thiểu thiệt hại cho Công ty và các cổ đông.</p> <p>2. Đối với Mặt bằng tại xã Phước Tân, Biên Hòa, Đồng Nai:</p> <p>2.1. Thống nhất chủ trương khởi kiện Công ty TNHH Dệt may Thế Hòa trong trường hợp đến ngày 27/7/2020 Thế Hòa không có thiện chí thực hiện thanh lý Hợp đồng và hoàn trả lại mặt bằng này cho Legamex.</p> <p>2.2. Ủy quyền Tổng Giám đốc thuê đơn vị tư vấn (Công ty Luật/Văn phòng Luật sư) để tư vấn và thay mặt</p>

ST T	Số QĐ/ Nghị Quyết	Ngày	Nội Dung
			Legamex tiến hành các thủ tục khởi kiện Thế Hòa theo quy định pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Legamex.
			2.3. Đề nghị Tổng Giám đốc sớm xây dựng phương án mở rộng hoạt động sản xuất may tại mặt bằng ở Biên Hòa, Đồng Nai, trình Hội đồng quản trị xem xét.
			3. Đối với mặt bằng số 11 Trường Sơn, P.15, Q.10:
			3.1. Thống nhất chủ trương thuê đơn vị dịch vụ để thực hiện các thủ tục cập nhật tên Công ty Cổ phần Legamex trên Hợp Đồng thuê đất, đăng ký đất đai và các thủ tục có liên quan (thực hiện cùng với mặt bằng số 15-17-19 Trường Sơn).
			3.2. Đề nghị Tổng Giám đốc sớm xây dựng phương án sử dụng mặt bằng này để làm văn phòng, Trung tâm đào tạo, Cửa hàng thời trang tại đây, trình Hội đồng quản trị xem xét.
			4. Đối với mặt bằng số 15-17-19 Trường Sơn, P.15, Q.10:
			4.1. Thống nhất chủ trương thuê đơn vị dịch vụ để tư vấn và thực hiện các thủ tục gia hạn thời gian thuê đất, ký kết Hợp đồng thuê đất với tên Công ty Cổ phần Legamex; tùy theo thực tế sẽ thực hiện triển khai công tác xin cấp Giấy chứng nhận sở hữu công trình trên đất (thực hiện cùng với mặt bằng số 11 Trường Sơn).
			4.2. Giao Tổng Giám đốc liên hệ và làm việc với các cơ quan chức năng Nhà nước có liên quan (Cục Thuế TP.HCM, Sở TNMT TP.HCM) để trao đổi và xác định lại diện tích và mục đích sử dụng đất đúng với hiện trạng sử dụng, để từ đó xác định lại đơn giá thuê đất cho phù hợp.
			4.3. Thống nhất chủ trương khởi kiện Công ty TNHH Điện tử Cây Tre Việt và ủy quyền Tổng Giám đốc thuê Văn phòng Luật sư/Công ty Luật để tư vấn và thay mặt Legamex tiến hành các thủ tục khởi kiện Cây Tre Việt theo quy định pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Legamex.
			5. Đối với mặt bằng số 63 - 65 Ngô Gia Tự, P.2, Q.10:
			5.1. Thống nhất tiếp tục sử dụng đất như hiện trạng, đúng mục đích là làm cửa hàng, văn phòng, xưởng may.
			5.2. Giao Tổng Giám đốc xây dựng lộ trình phù hợp để thực hiện việc ký Hợp đồng thuê đất, xin cấp Giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản trên đất đối với mặt bằng này.

ST T	Số QĐ/ Nghị Quyết	Ngày	Nội Dung
			6. Đối với mặt bằng số 467C, đường CMT8, P.13, Q.10:
			6.1. Chấp thuận chủ trương giải phóng Mặt bằng của UBND Quận 10 và số tiền được bồi thường, hỗ trợ cho Legamex liên quan đến Mặt Bằng số 467C CMT8, P.13, Q.10 tại Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ liên quan đến Dự án tàu điện ngầm theo Thông báo 121/TB-HĐBTDA ngày 14/4/2020 của Hội đồng Bồi thường dự án, là 1.194.798.096 đồng.
			6.2. Thống nhất chủ trương thanh lý trước thời hạn Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 193/ HĐHTKD-CFC-LG/Phụ lục kèm theo, đã ký với Saigon Co.op; và giao TGD đàm phán với Saigon Co.op về các nội dung liên quan đến việc thanh lý Hợp đồng trước thời hạn và về việc bồi thường, giải phóng một phần mặt bằng này. Lưu ý Legamex phải thực hiện tất cả các thủ tục liên quan đến việc giải phóng mặt bằng liên quan đến mặt bằng này với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và không được ủy quyền cho Saigon Co.op làm thay.
			7. Đối với mặt bằng số 195 đường 3/2, P.9, Q.10:
			7.1. Thống nhất tiếp tục sử dụng đất như hiện trạng, đúng mục đích là làm cửa hàng và kho của Trung tâm Thời trang.
			7.2. Giao Tổng Giám đốc xây dựng lộ trình phù hợp để thực hiện việc ký Hợp đồng thuê đất, xin cấp Giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản trên đất đối với mặt bằng này.
			8. Trên cơ sở kết quả thực hiện các nội dung nêu trên, Tổng Giám đốc kịp thời báo cáo kết quả thực hiện đối với từng mặt bằng cụ thể cho Hội đồng quản trị.
			9. Liên quan đến việc tái chế hàng tủ vải trong năm 2019 của Legamex.
			9.2. Giữ nguyên số liệu kế toán theo Báo cáo tài chính năm 2019 của Legamex đã được kiểm toán phát hành ngày 28/3/2020; và không thông qua đề xuất của Tổng Giám đốc về việc đề nghị Hội đồng quản trị phê duyệt chủ trương không thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 của Legamex đã được kiểm toán ngày 28/3/2020.
			9.2. Không thông qua đề xuất của Tổng Giám đốc về việc giao Tổng Giám đốc làm việc với đơn vị kiểm toán để phát hành lại Báo cáo tài chính năm 2019 của Legamex.

ST T	Số QĐ/ Nghị Quyết	Ngày	Nội Dung
			<p>9.3. Thống nhất giao Tổng Giám đốc phối hợp với Giditex trong việc làm rõ trách nhiệm của các bên liên quan đến hàng tái chế trong năm 2019 của Legamex.</p> <p>10. Về công tác nhân sự Chánh Văn phòng HĐQT-BTGD Legamex</p> <p>10.1. Thống nhất việc miễn nhiệm chức danh Chánh Văn phòng HĐQT-BTGD Legamex đối với bà Trương Thị Hồng Châu theo đơn từ nhiệm và theo TTr 74/TTr-TGD ngày 09/7/2020 của TGD Legamex, kể từ ngày 15/7/2020; và giao TGD ký quyết định liên quan đến việc miễn nhiệm này.</p> <p>10.2. Thống nhất việc tuyển dụng và bổ nhiệm ông Lê Văn Địch giữ chức danh Chánh Văn phòng HĐQT-BTGD Legamex theo TTr 75/TTr-TGD ngày 09/7/2020 của TGD Legamex; và giao TGD ký quyết định liên quan đến việc tuyển dụng và bổ nhiệm này.</p>
13	07/NQ- HĐQT	18/08/2020	<p>Về thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Điện tử Cây Tre Việt.</p> <p>1. Thống nhất chủ trương không tính tiền lưu kho của Công ty TNHH Điện tử Cây Tre Việt từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 7 năm 2020 với số tiền là 1.219.680.000 đồng theo Tờ trình số 84/TTr-TGD ngày 11/8/2020 của Tổng Giám đốc Legamex.</p> <p>2. Thống nhất chủ trương thanh lý Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 06/2015/HĐ/LEGA-VIETBAM ký ngày 01/11/2015 giữa Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) và Công ty TNHH Điện tử Cây Tre Việt và các Phụ lục kèm theo hợp đồng này.</p> <p>3. Giao Tổng Giám đốc Legamex tổ chức thực hiện công tác nhận bàn giao lại mặt bằng từ Công ty TNHH Điện tử Cây Tre Việt.</p>
14	08/NQ- HĐQT	17/09/2020	<p>Phê duyệt việc thỏa thuận thanh lý trước thời hạn đối với hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 193/HĐHTKD-CFC-LG ngày 19/7/2012 giữa Legamex và Sài Gòn Co.op và các phụ lục kèm theo, theo TTr 94/TTr-TGD ngày 08/9/2020 của Tổng Giám đốc, trong đó thống nhất như sau:</p> <p>1. Công nợ theo hợp đồng sau khi đã cản trừ và Legamex phải trả cho Saigon Co.op là 163.570.730. Cụ thể:</p> <p>1.1 Nợ Legamex phải trả cho Saigon Co.op (267.581.739 đồng) gồm:</p> <p>- Tiền đặt cọc Legamex phải hoàn trả cho Saigon Co.op 240.000.000 đồng.</p>

ST T	Số QĐ/ Nghị Quyết	Ngày	Nội Dung
			<p>- Tiền hàng Legamex phải trả cho Saigon Co.op theo hóa đơn xuất trả hàng số 0001484 ngày 20/08/2020 (đã bao gồm VAT 27.581.739)</p> <p>1.2 Nợ Saigon Co.op phải trả cho Legamex (104.011.009 đồng) gồm:</p> <p>- Lợi nhuận hợp tác Saigon Co.op chưa chuyển cho Legamex tính đến hết ngày 04/2/2020 là 79.771.080 đồng</p> <p>-Tiền điện, nước Saigon Co.op phải trả cho Legamex đến ngày 21/8/2020 (đã bao gồm VAT) là 24.239.292 đồng.</p> <p>2. Hỗ trợ 50% chi phí di dời cơ sở vật chất, trang thiết bị , tài sản cho Saigon Co.op là 103.000.000 đồng.</p>
15	09/NQ- HĐQT	14/10/2020	<p>1. Phê duyệt phương án thanh lý công cụ dụng cụ, tài sản, thiết bị theo tờ trình 94/TTr-TGD ngày 19/9/2020 của Tổng Giám đốc</p> <p>2. Thông qua quy chế quản lý và sử dụng con dấu của công ty cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) theo tờ trình 102/TTr-TGD ngày 19/9/2020 của Tổng Giám đốc.</p> <p>3. Thống nhất chủ trương kiện toàn hồ sơ pháp lý đối với khu đất tại phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo tờ trình 105/TTr-TGD ngày 05/10/2020 của Tổng Giám đốc. Giao Tổng Giám đốc thực hiện các công việc sau:</p> <p>3.1 Tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng của tỉnh Đồng Nai và Công ty Dệt May Thế Hòa để sớm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</p> <p>3.2 Tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng tỉnh Đồng Nai để đảm bảo việc xử lý vi phạm tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật theo hướng tối ưu nhất lợi ích cho Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex).</p> <p>3.3 Tiến hành đàm phán ký Biên bản thỏa thuận với công ty Thế Hòa về việc gia hạn, tháo dỡ tài sản, bàn giao mặt bằng và các tài sản liên quan đến khu đất tại phường Phước Tân, Biên Hòa, Đồng Nai chậm nhất đến 31/12/2021.</p> <p>4. Thống nhất chủ trương giao Tổng Giám đốc đàm phán với Công ty Thế Hòa để thỏa thuận thanh lý Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 02/HĐHTKTD-2010 ngày 17/7/2010 và các phụ kiện kèm theo; giải quyết tồn đọng về công nợ 419.592.811 đồng và hàng tồn kho 3.889 sản phẩm liên</p>

ST T	Số QĐ/ Nghị Quyết	Ngày	Nội Dung
			quan đến Hợp đồng này theo tờ trình số 105/TTr-TGD ngày 05/10/2020 của Tổng Giám đốc. 5. Thống nhất thông qua Báo cáo số 02/BC-CTHĐQT ngày 12/10/2020 của chủ tịch Hội đồng quản trị về rà soát các khoản lỗ lũy kế trong Báo cáo tài chính các năm 2015, 2016, 2017, 2018 và trách nhiệm quản lý.
16	10/NQ- HĐQT	14/10/2020	Phê duyệt mẫu con dấu mới của công ty theo tờ trình 98/TTr-TGD ngày 19/9/2020 của Tổng Giám đốc. Giao Tổng Giám đốc thực hiện hủy con dấu cũ và thực hiện công bố thông tin về mẫu con dấu mới theo quy định của Pháp luật.
17	11/NQ- HĐQT	10/11/2020	1. Thống nhất theo tờ trình số 108/TTr ngày 09/10/2020 của Tổng Giám đốc về các nội dung và đề xuất liên quan đến mặt bằng 106 đường 3/2. 2. Thống nhất thông qua chính sách thưởng năng suất, chuyên cần và đảm bảo thu nhập cho Người lao động của Khối sản xuất theo tờ trình số 123/TTr- Tổng Giám đốc ngày 02/11/2020. Ủy quyền Tổng Giám đốc quyết định điều kiện thưởng, mức thưởng, tỷ lệ thưởng,... 3. Ghi nhận nội dung báo cáo số 116/BC-TGD ngày 29/10/2020 của Tổng Giám đốc về kết quả SXKD 09 tháng năm 2020. Giao Tổng Giám đốc: 3.1. Bổ sung báo cáo số 116/BC-TGD ngày 29/10/2020 đính kèm báo cáo số 17/BC-TGD ngày 29/10/2020 của Tổng Giám đốc về kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020 để thông tin cho cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên 2020 3.2 Chuẩn bị nội dung báo cáo tổng kết SXKD năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
18	12/NQ- HĐQT	10/11/2020	Thông qua kế hoạch triệu tập và tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2020.
19	13/NQ- HĐQT	19/12/2020	Phê duyệt chính sách thưởng khi Người lao động giới thiệu đơn hàng theo tờ trình số 140/TTr-TGD ngày 10/12/2020. Thời gian áp dụng từ 01/12/2020.
20	14/NQ- HĐQT	31/12/2020	Phê duyệt việc ký kết các Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng giữa công ty Legamex và công ty cổ phần Dệt May Gia Định.

- d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có
- e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty; Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.
2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Ông/Bà	Thành viên Ban Kiểm soát	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ sở hữu
1	PHAN THỊ PHƯƠNG	Trưởng Ban Kiểm soát	Không	Không
2	MAI THANH TOL	Thành viên Ban Kiểm soát	Không	Không
3	TRẦN VĂN LÝ	Thành viên Ban Kiểm soát	2000	0.027%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	NGÀY HỌP	NỘI DUNG HỌP	KẾT QUẢ CUỘC HỌP
1	24/04/2020	Các nội dung liên quan đến việc khai thác và sử dụng mặt bằng theo Tờ trình 46/Ttr-TGD và 47/Ttr-TGD ngày 14/3/2020	Thống nhất nêu ý kiến của Ban kiểm soát tại cuộc họp Hội đồng quản trị, đề nghị Ban điều hành rà soát các thủ tục pháp lý của các mặt bằng, hồ sơ thanh toán tiền thuê đất,..., để giảm thiểu rủi ro cho Công ty.
2	02/05/2020	Kế hoạch Thẩm tra Báo cáo Tài chính năm 2019	Thống nhất Kế hoạch thẩm tra Báo cáo tài chính và gửi Công văn số 02/BKS-2020 ngày 15/5/2020 cho Tổng giám đốc, đề nghị cung cấp thông tin liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2019 và các hồ sơ có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019.
3	18/06/2020	Thảo luận các nội dung của Dự thảo Báo cáo Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông năm 2020	Thống nhất với nội dung Bản dự thảo Báo cáo, ngày 20/6/2020, Ban kiểm soát đã ký phát hành bản báo cáo chính thức.
4	08/07/2020	Các nội dung liên quan đến các Tờ trình về việc quản lý sử dụng nhà xưởng và các khu đất của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) và Báo cáo về việc tái chế hàng.	Ban kiểm soát có ý kiến tại cuộc họp Hội đồng quản trị về việc xử lý chi phí tái chế hàng tù cũng như đề xuất không thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Tổng giám đốc là chưa phù hợp. Đồng thời đề nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành sớm có phương án khai thác và sử dụng hiệu quả các mặt bằng.
5	16/08/2020	Rà soát các nội dung liên quan đến đề xuất thanh lý Hợp đồng với Công ty TNHH Điện tử Cây Tre Việt và Saigon Co.op.	Các nội dung của Bản dự thảo thanh lý Hợp đồng đảm bảo quyền và lợi ích của Công ty Legamex, Ban kiểm soát không có ý kiến góp ý.

STT	NGÀY HỌP	NỘI DUNG HỌP	KẾT QUẢ CUỘC HỌP
6	09/10/2020	Thảo luận các nội dung liên quan đến đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	Kiến nghị Hội đồng quản trị tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và đề nghị Tổng giám đốc có báo cáo về Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2020. Ngày 12/10/2020 Ban kiểm soát gửi văn bản số 04/BKS-2020 đến Hội đồng quản trị để kiến nghị một số nội dung liên quan đến Đại hội đồng cổ đông.

- Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến đóng góp kịp thời ở một số vấn đề có liên quan.

Ban Kiểm soát giám sát các hoạt động liên quan đến việc triển thực hiện các văn bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị.

Từ ngày 02/05 đến ngày 31/05/2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm tra Báo cáo Tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Legamex và đã lập Báo cáo gửi đến Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Đồng thời, Ban Kiểm soát thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá về tình hình công nợ cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của công ty .

Bên cạnh đó, các thành viên Ban Kiểm soát luôn lắng nghe ý kiến góp ý, tâm tư nguyện vọng của cán bộ, công nhân viên Công ty khi họ có yêu cầu hoặc đề xuất, đồng thời sẵn sàng lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp của các cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	12 THÁNG	TRỪ THUẾ TNCN 10%	CÒN LẠI
1	Đoàn Văn Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	46,800,000	4,680,000	42,120,000
2	Phạm Nhật Vinh	Thành viên Hội đồng quản trị	34,800,000	3,480,000	31,320,000
3	Nguyễn Đông Hải	Thành viên Hội đồng quản trị	34,800,000	3,480,000	31,320,000
4	Lê Thị Thu Hồng	Thành viên Hội đồng quản trị	34,800,000		34,800,000
5	Dương Thanh Phong	Thành viên Hội đồng quản trị	34,800,000	3,480,000	31,320,000
6	Bùi Văn Xuân	Thành viên Hội đồng quản trị	34,800,000	3,480,000	31,320,000

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	12 THÁNG	TRỪ THUẾ TNCN 10%	CÒN LẠI
7	Nguyễn Minh Nhật	Thành viên Hội đồng quản trị	34,800,000	3,480,000	31,320,000
8	Phan Thị Phụng	Trưởng Ban kiểm soát	38,400,000	3,840,000	34,560,000
9	Mai Thanh Tol	Thành viên Ban kiểm soát	27,600,000	2,760,000	24,840,000
10	Trần Văn Lý	Thành viên Ban kiểm soát	27,600,000	2,760,000	24,840,000
	TỔNG CỘNG		349,200,000	31,440,000	317,760,000

- b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:
 - d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:
- VI. Báo cáo tài chính
1. Ý kiến kiểm toán



RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà SFC 3
100 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

T: +84 (0) 28 3 927 026
F: +84 (0) 28 3 927 027

www.rsmglobal.com/vietnam

Số: 500/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giấy da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

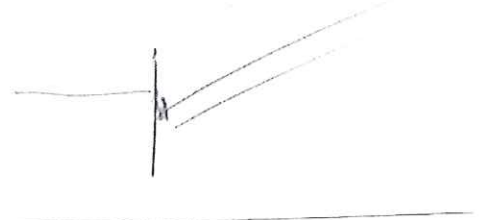
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lưu Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1



Trịnh Thanh Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

1. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo

cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ

RSM

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA
VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 32

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		60.175.487.677	56.639.512.770
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.599.083.154	1.125.909.345
1. Tiền	111	4.1	1.599.083.154	1.125.909.345
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.559.417.036	32.411.258.430
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	47.679.108.404	31.614.168.746
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		189.893.689	326.393.021
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		805.692.838	709.534.100
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(115.277.295)	(238.837.437)
III. Hàng tồn kho	140	4.4	9.482.174.312	22.489.132.825
1. Hàng tồn kho	141		20.455.865.119	35.010.049.040
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.973.690.807)	(12.520.916.215)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		534.812.575	613.212.170
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	534.812.575	613.212.170
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.893.822.677	43.653.955.056
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		58.122.000	58.122.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		58.122.000	58.122.000
II. Tài sản cố định	220		6.176.370.687	7.793.036.555
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	6.176.370.687	7.793.036.555
Nguyên giá	222		87.106.148.493	88.114.356.712
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.929.777.806)	(80.321.320.157)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.604.374.408	7.737.437.168
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.5	10.604.374.408	7.737.437.168
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	23.517.743.073	23.438.786.770
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		24.498.722.533	24.498.722.533
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(980.979.460)	(1.059.935.763)
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.537.212.509	4.626.572.563
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	584.716.048	1.220.710.751
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.8	4.952.496.461	3.218.373.260
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	187.488.552
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		106.069.310.354	100.293.467.826

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		57.206.461.225	40.388.555.269
I. Nợ ngắn hạn	310		37.821.165.385	20.601.122.761
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	1.470.479.415	1.981.421.591
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.039.197.385	298.680.150
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	18.964.880.644	3.419.679.761
4. Phải trả người lao động	314	4.10	4.957.915.548	10.335.853.387
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	5.841.121.241	369.517.358
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	5.330.637.565	3.865.536.927
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		216.933.587	230.433.587
II. Nợ dài hạn	330		19.385.295.840	19.887.432.508
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	4.11	350.605.916	608.644.751
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.12	87.000.000	327.000.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.13	18.947.689.924	18.951.787.757
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.862.849.129	59.904.912.557
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14.1	48.862.849.129	59.904.912.557
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		74.000.000.000	74.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		74.000.000.000	74.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.003.156.282	4.003.156.282
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.605.117.855	9.605.117.855
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(38.745.425.008)	(27.703.361.580)
LNST chưa phân phối lũy kể đến CK trước	421a		(27.703.361.580)	(29.000.737.961)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(11.042.063.428)	1.297.376.381
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		106.069.310.354	100.293.467.826



Lê Hồng Chiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập

Nguyễn Thị Lan Trà
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	104.566.112.049	120.764.670.634
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		184.375.914	291.595.625
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		104.381.736.135	120.473.075.009
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	98.240.978.573	100.783.910.734
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.140.757.562	19.689.164.275
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		763.974.355	886.687.350
7. Chi phí tài chính	22		(78.927.705)	(584.206.859)
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.3	3.279.695.635	2.339.496.293
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	13.629.877.037	15.363.930.549
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.925.913.050)	3.456.631.642
11. Thu nhập khác	31	5.5	3.405.550.661	820.369.419
12. Chi phí khác	32	5.6	6.255.824.240	1.458.548.984
13. Lợi nhuận khác	40		(2.850.273.579)	(638.179.565)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.776.186.629)	2.818.452.077
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	759.762.980
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.8	(1.734.123.201)	761.312.716
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(11.042.063.428)	1.297.376.381
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.3	(1.492)	175
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.4	(1.492)	175



Lê Hồng Chiến
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập

Handwritten signature

Nguyễn Thị Lan Trà
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(12.776.186.629)	2.818.452.077
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	2.199.378.368	2.041.860.260
Các khoản dự phòng	03		(1.749.741.853)	(1.413.310.973)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(211.707)	1.704.190
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(739.387.306)	(886.687.350)
Các khoản điều chỉnh khác	07		(94.639.000)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(13.160.788.127)	2.562.018.204
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.023.268.637)	(7.107.062.917)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.741.672.473	4.145.634.208
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		16.854.200.956	(980.176.643)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.999.716.442)	(937.143.727)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.330.427)	(1.560.016.172)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(13.500.000)	(14.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		397.269.796	(3.890.747.047)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(640.900.000)	(7.999.801.357)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		739.387.306	464.186.895
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		98.487.306	(2.535.614.462)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.795.000)	(6.704.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.795.000)	(6.704.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		472.962.102	(6.433.065.509)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.125.909.345	7.558.974.854
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		211.707	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	1.599.083.154	1.125.909.345



Phê duyệt

Đã Hồng Chiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập

liet

Nguyễn Thị Lan Trà
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí nghiệp Giày da và May mặc xuất khẩu trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, sau đó được đổi tên thành Công ty Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) trực thuộc Sở Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2005, Công ty Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) theo Quyết định số 6663/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300734844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 08 năm 2006 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 02 năm 2021.

Ngày 09 tháng 12 năm 2019, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 825 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 18 tháng 12 năm 2019, cổ phiếu của Công ty được chính thức đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM theo Quyết định số 1448/TB-SGDHN ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 74.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	Việt Nam	37.740.000.000	51	37.740.000.000	51
Các cổ đông khác		36.260.000.000	49	36.260.000.000	49
Cộng		74.000.000.000	100	74.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 15 Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 585 (31/12/2019: 648).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

May mặc.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- May trang phục;
- Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Công nghiệp dệt thêu đan;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Dịch vụ cho thuê mặt bằng, dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, mức dự phòng tổn thất đầu tư được xác định dựa trên giá trị tài sản thuần trên sổ sách mỗi cổ phần của đơn vị được đầu tư, và giá trị bình quân mỗi cổ phần mà Công ty đang nắm giữ.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 07 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 07 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

3.8. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa, cải tạo. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa, cải tạo được phân bổ dần từ 01 đến 02 năm;

3.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.15. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ luật lao động 2012, đối với người lao động đã có thời gian làm việc thường xuyên cho Công ty từ đủ 12 tháng trở lên ("người lao động thỏa điều kiện") khi chấm dứt hợp đồng lao động theo đúng quy định của Bộ luật Lao động thì người sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho người lao động đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương bình quân của người lao động đó được tính theo quy định.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho những người lao động thỏa điều kiện cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán được lập dựa trên số năm làm việc của người lao động là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong sáu tháng liền kề tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc này sẽ được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động 2012.

3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ, bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp là 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.23. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.24. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	62.297.396	83.510.640
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.536.785.758	1.042.398.705
Cộng	1.599.083.154	1.125.909.345

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND			Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB)	13.218.722.533	(*)	(930.979.460)	13.218.722.533	(*)	(1.059.935.763)
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Việt Nam	1.680.000.000	(*)	-	1.680.000.000	(*)	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Gia Định	9.600.000.000	(*)	-	9.600.000.000	(*)	-
Cộng	24.498.722.533		(930.979.460)	24.498.722.533		(1.059.935.763)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan -- Xem thêm mục 7	45.262.418.317	29.096.450.279
Phải thu từ khách hàng:		
Liên Hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh	648.330.835	1.243.670.202
Các khách hàng khác	1.768.359.252	1.274.048.265
Cộng	47.679.108.404	31.614.168.746

4.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.231.580.744	(982.690.057)	2.030.397.373	(1.777.830.963)
Công cụ, dụng cụ	342.740.419	(331.723.802)	149.867.778	(332.128.631)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	545.722.895	-	640.826.076	-
Thành phẩm	16.417.711.165	(7.897.493.095)	30.156.002.142	(8.508.069.823)
Hàng hóa	1.888.361.501	(1.732.054.018)	2.003.077.276	(1.873.008.402)
Hàng gửi bán	29.748.395	(29.729.835)	29.878.395	(29.878.395)
Cộng	20.455.865.119	(10.973.690.807)	35.010.049.040	(12.520.916.215)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 10.973.690.807 VND.

4.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chủ yếu là tiền thuê đất tại địa chỉ số 106 đường 3 tháng 2, phường 14, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện Dự án Lega Fashion House. Chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền thuê đất	10.277.308.700	7.596.705.500
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	174.239.208	140.731.668
Phí dịch vụ Bảo vệ	152.826.500	-
Cộng	10.604.374.408	7.737.437.168

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2020	57.470.824.457	25.185.110.052	2.547.891.268	2.909.530.937	88.114.356.712
Mua trong năm	-	582.712.500	-	-	582.712.500
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.530.920.719)	-	-	(1.530.920.719)
Tại ngày 31/12/2020	57.470.824.457	24.177.901.833	2.547.891.268	2.909.530.937	87.106.148.493
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2020	55.818.804.508	19.994.425.791	1.653.283.393	2.644.826.465	80.321.320.157
Kiểm hao trong năm	364.375.555	1.563.422.881	187.077.552	24.502.350	2.199.378.358
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.530.920.719)	-	-	(1.530.920.719)
Tại ngày 31/12/2020	56.183.180.063	19.966.927.953	2.050.340.945	2.729.328.815	80.929.777.809
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2020	1.652.019.949	5.191.684.261	894.607.873	264.704.472	7.793.036.555
Tại ngày 31/12/2020	1.287.644.394	4.210.973.880	497.550.321	180.202.092	6.176.370.687

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 71.385.021.013 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý là 683.344.848 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ	254.638.457	433.243.260
Chi phí sửa chữa, cải tạo	209.507.502	103.609.099
Các khoản khác	70.666.616	76.359.811
Cộng	534.812.575	613.212.170
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ	48.623.794	117.595.618
Chi phí sửa chữa, cải tạo	316.556.944	851.249.567
Các khoản khác	219.535.310	251.865.566
Cộng	584.716.048	1.220.710.751

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Bình Lộc Phát	383.985.600	383.985.600	-	-
Công ty TNHH Thời trang Hoàng Minh Tâm	394.955.000	394.955.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	691.538.815	691.538.815	1.981.421.591	1.981.421.591
Cộng	1.470.479.415	1.470.479.415	1.981.421.591	1.981.421.591

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2020 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	4.731.131.474	8.489.241.042	4.722.065.961	963.956.393
Thuế thu nhập doanh nghiệp	940.382.725	-	1.330.427	941.713.152
Thuế thu nhập cá nhân	25.949.532	248.934.009	255.700.309	32.715.832
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	13.174.654.776	15.128.373.822	3.275.866.169	1.322.147.123
Các loại thuế khác	92.762.137	243.753.791	310.138.915	159.147.261
Cộng	18.964.880.644	24.110.302.664	8.565.101.781	3.419.679.761

4.10. Phải trả người lao động

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền lương tháng 12	3.354.655.044	4.180.813.133
Quỹ dự phòng tiền lương	1.603.260.504	6.155.040.254
Cộng	4.957.915.548	10.335.853.387

4.11. Chi phí phải trả

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Trích trước tiền phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 4951/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai	5.111.108.512	-
Các khoản trích trước khác	730.012.729	369.517.358
Cộng	5.841.121.241	369.517.358
Dài hạn:		
Trích trước tiền thuê đất	350.605.916	608.644.751

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.712.170.741	1.734.965.741
Kinh phí công đoàn	1.208.121.976	866.950.336
Bảo hiểm xã hội	1.874.536.867	672.529.671
Bảo hiểm y tế	117.484.065	118.135.260
Bảo hiểm thất nghiệp	51.310.000	52.036.620
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	160.000.000	160.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	207.013.916	260.919.299
Cộng	5.330.637.565	3.865.536.927
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	87.000.000	327.000.000

4.14. Dự phòng phải trả dài hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.958.207.500	2.962.305.333
Dự phòng phải trả tiền thuê đất giai đoạn 2014 – 2017 cho dự án Lega Fashion House (*)	15.989.482.424	15.989.482.424
Cộng	18.947.689.924	18.951.787.757

(*) Theo thông báo Tạm miễn tiền thuê đất số 13698/TB-CK-KTTĐ ngày 20 tháng 12 năm 2014 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh đối với khu đất tại địa chỉ số 106 Đường 3 tháng 2, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh (Dự án Lega Fashion House), Công ty được tạm miễn tiền thuê đất cho lô đất nói trên trong giai đoạn xây dựng cơ bản từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2017 với điều kiện Công ty phải xuất trình đầy đủ giấy tờ sau khi công trình được hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng để Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh có căn cứ để ban hành quyết định miễn tiền thuê đất.

Tuy nhiên, giai đoạn từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2017, Công ty chưa thực hiện các hoạt động xây dựng cơ bản liên quan đến Dự án Lega Fashion House. Ngoài ra, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa nộp tiền thuê đất cho giai đoạn miễn giảm nêu trên. Do đó, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tiền thuê đất cho giai đoạn từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2017 với số tiền là 12.198.262.453 VND và tiền chậm nộp tính từ ngày 01 tháng 03 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.791.219.971 VND. Tổng số tiền đã trích lập dự phòng đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 15.989.482.424 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2019	74.000.000.000	4.003.158.282	9.605.117.855	(29.000.737.931)	58.807.538.176
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.297.378.381	1.297.378.381
Tại ngày 01/01/2020	74.000.000.000	4.003.158.282	9.605.117.855	(27.703.351.530)	59.904.912.557
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(11.042.063.428)	(11.042.063.428)
Tại ngày 31/12/2020	74.000.000.000	4.003.158.282	9.605.117.855	(38.745.425.008)	48.862.849.129

4.15.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	7.400.000	7.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	7.400.000	7.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.400.000	7.400.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi/(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	(11.042.063.428)	1.297.376.381
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(11.042.063.428)	1.297.376.381
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	7.400.000	7.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.492)	175

4.15.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi/(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	(11.042.063.428)	1.297.376.381
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi/(Lỗ) để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(11.042.063.428)	1.297.376.381
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	7.400.000	7.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.400.000	7.400.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.492)	175

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
USD	566,54	1.805,24
EUR	119,24	130,16
BEF	1.200,00	1.200,00

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa	14.493.157.112	15.988.133.043
Doanh thu bán thành phẩm	86.586.039.074	94.618.190.732
Doanh thu khai thác mặt bằng	3.180.528.877	7.535.608.748
Doanh thu khác	306.386.986	2.622.738.111
Cộng	104.566.112.049	120.764.670.634
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	79.987.937.973	94.610.329.199

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.215.146.585	12.726.376.647
Giá vốn của thành phẩm đã bán	86.675.052.812	85.410.845.657
Giá vốn khai thác mặt bằng	611.280.292	3.492.939.455
Giá vốn khác	286.724.292	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.547.225.408)	(846.251.025)
Cộng	98.240.978.573	100.783.910.734

5.3. Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	1.392.851.682	1.151.654.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	270.904.761	103.549.962
Chi phí khác	1.615.939.192	1.084.292.299
Cộng	3.279.695.635	2.339.496.293

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	4.927.796.935	6.193.598.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	478.621.345	565.550.724
Thuế, phí và lệ phí	212.188.251	36.123.051
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng nợ khó đòi	(123.560.142)	18.856.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.339.162.552	5.196.778.309
Chi phí khác	6.795.668.096	3.353.023.263
Cộng	13.629.877.037	15.363.930.549

5.5. Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	1.015.182.330	-
Thanh lý tài sản	1.430.000.000	-
Thu nhập khác	960.368.331	820.369.419
Cộng	3.405.550.661	820.369.419

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Các khoản phạt	5.134.358.914	-
Tiền chậm nộp thuế đất	-	1.335.709.739
Các khoản khác	1.121.465.326	122.839.245
Cộng	6.255.824.240	1.458.548.984

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.752.356.989	48.172.251
Chi phí nhân công	63.804.234.695	66.225.323.983
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.199.378.368	2.041.860.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.410.092.005	21.039.868.292
Chi phí khác	19.150.965.030	6.973.291.940
Cộng	101.317.027.087	96.328.516.726

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo KQHĐKD	
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Dự phòng trợ cấp thời việc	591.641.500	592.461.067	(819.567)	41.046.308
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.194.738.161	2.504.183.243	(309.445.082)	(924.087.974)
Dự phòng đầu tư tài chính	196.195.892	-	196.195.892	-
Chi phí trích trước	70.121.183	121.728.950	(51.607.767)	121.728.950
Lỗ tính thuế	1.899.799.725	-	1.899.799.725	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	4.952.496.461	3.218.373.260		
Thu nhập/ (Chi phí) thuế TNDN hoãn lại			1.734.123.201	(761.312.716)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. BẢO CẢO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Hoạt động bán hàng hóa;
- Gia công;
- Hoạt động khác.

	Bán hàng		Gia công		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu								
Từ khách hàng bán ngoài	14.493.157.112	15.988.133.043	86.588.039.074	94.618.190.732	3.486.915.853	10.158.346.859	104.566.112.049	120.764.670.634
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	14.493.157.112	15.988.133.043	86.588.039.074	94.618.190.732	3.486.915.853	10.158.346.859	104.566.112.049	120.764.670.634
Kết quả hoạt động kinh doanh								
Kết quả của bộ phận	2.093.634.613	2.970.160.771	1.459.211.670	10.053.599.100	2.588.911.279	6.655.407.404	6.143.757.552	19.889.164.275
Chi phí không phân bổ							(16.509.572.672)	(17.703.423.842)
Thu nhập tài chính							763.974.355	836.667.350
Chi phí tài chính							78.527.705	594.208.859
Lợi nhuận khác							(2.653.273.579)	(638.179.585)
Lợi nhuận trước thuế							(12.775.185.626)	2.318.452.077
Thuế thu nhập doanh nghiệp							1.734.123.201	(1.521.075.899)
Lợi nhuận sau thuế							(11.042.063.428)	1.297.376.331

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Bán hàng		Gia công		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	106.069.310.354	100.293.467.826
Tổng tài sản							106.069.310.354	100.293.467.826
Nợ phải trả của bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	57.206.461.225	40.388.555.269
Tổng nợ phải trả							57.206.461.225	40.388.555.269
	Bán hàng		Gia công		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi phí mua sắm tài sản	-	-	-	-	-	-	640.900.000	7.899.801.357
Chi phí khấu hao	-	-	-	-	-	-	2.199.378.368	2.041.860.260

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định Công ty mẹ
 2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
--	-------------------------------	-------------------------------

Phải thu thương mại -- Xem thêm mục 4.3:

Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	45.262.418.317	29.096.450.279
----------------------------------	----------------	----------------

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
--	-----------------	-----------------

Bán hàng và cung cấp dịch vụ -- Xem thêm mục 5.1:

Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	79.987.937.973	94.610.329.199
----------------------------------	----------------	----------------

Tiền hỗ trợ chi phí ngừng chờ việc:

Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	260.366.453	-
----------------------------------	-------------	---

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Đoàn Văn Sơn	Chủ tịch	46.800.000	46.800.000
Ông Nguyễn Đông Hải	Thành viên	34.800.000	5.800.000
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên	34.800.000	34.800.000
Ông Dương Thanh Phong	Thành viên	34.800.000	5.800.000
Ông Bùi Văn Xuân	Thành viên	34.800.000	5.993.526
Ông Nguyễn Minh Nhật	Thành viên	34.800.000	8.700.000
Ông Phạm Nhật Vinh	Thành viên (Không đủ tư cách từ ngày 15 tháng 01 năm 2021)	34.800.000	34.800.000
Ông Võ Bình	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	404.832.000	-
Ông Lê Hồng Chiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 27/04/2020 đến ngày 31/01/2021)	294.669.709	-
Ông Mai Huy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 27/04/2020)	208.394.885	-
Cộng		1.163.496.594	142.693.526

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	93.600.000	93.600.000

10. CÔNG NỢ TIỀM TĂNG

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐHTKD) số 004/2010/HTKD-LEGAMEX-GDI-DGC-OCEANBANK ký ngày 17 tháng 12 năm 2010 giữa Công ty và các bên gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (GDI) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OGC) cho Dự án Lega Fashion House ("Dự án"), Công ty góp vốn bằng quyền sử dụng đất, GDI và OGC góp vốn bằng tiền.

Theo biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 09 tháng 06 năm 2015 và phụ lục số 01 của Biên bản ngày 11 tháng 05 năm 2017, hai đối tác của Công ty là OGC đã góp vốn với số tiền là 38.996.885.439 VND và GDI đã góp vốn với số tiền là 5.635.596.481 VND vào Dự án và trao quyền thực hiện Dự án, tìm kiếm đối tác mới thực hiện Dự án cho Công ty.

Theo phụ lục số 01 nói trên, biên bản làm việc ngày 04 tháng 08 năm 2017 và biên bản hợp số 12/BB-HDQT ngày 07 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, GDI và OGC, khi Công ty ký hợp đồng hợp tác và nhận tiền góp vốn của đối tác mới thì Công ty phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền đã góp cho GDI và OGC.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa tìm được đối tác mới thay thế cho GDI và OGC, cũng như khả năng tìm kiếm đối tác mới phù hợp là chưa đánh giá được nên Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng về nghĩa vụ hoàn trả cho GDI và OGC vào Báo cáo tài chính với số tiền là 44.632.481.920 VND.

11. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là từ 20 đến 47 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	12.488.685.133	12.451.169.306

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Từ 1 năm trở xuống	11.004.624.761	11.824.895.950
Trên 1 năm đến 5 năm	11.555.612.324	10.215.891.930
Trên 5 năm	86.512.473.955	95.169.926.173
Cộng	109.072.711.040	117.210.714.053

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

12. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Tại ngày 01/01/2020 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2020 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	69.653.642
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.737.437.168	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.419.679.761	2.477.966.609
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	(29.000.737.961)	(33.019.399.103)
LNST chưa phân phối kỳ này	1.297.376.381	(1.410.032.851)
	Tại ngày 01/01/2019 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2019 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.023.326.428	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.160.396.604	2.155.731.318
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	(39.302.369.774)	(41.149.742.324)
LNST chưa phân phối kỳ này	10.301.631.813	8.130.343.221

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2019 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2019 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.363.930.549	18.078.041.289
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	759.762.980	753.061.472
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.297.376.381	(1.410.032.851)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	175	(191)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	175	(191)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích):

	Năm 2019 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2019 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(7.999.801.357)	(5.285.690.617)

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do Công ty điều chỉnh vốn hóa tiền thuê đất tại địa chỉ Số 106 Đường 3 tháng 2, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cho giai đoạn triển khai Dự án Lega Fashion House từ năm 2017 đến năm 2019.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

13. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến 31/12/2020 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2020 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt



Lê Hồng Chiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Lan Trà
Kế toán trưởng



32

Nơi nhận:

Recipients:

-;
- Lưu: VT, ...
- Archived:...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY
**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S
LEGAL REPRESENTATIVE**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name and seal)

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ HỒNG CHIẾN